

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST

Ngày: 05-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Huy Tùng.

Bà Trương Thị Khung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa:

Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/TLST - HS ngày 21/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 25/3/2022 đối với bị cáo:

Phan Lâm Q (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 30 tháng 5 năm 1981, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Lâm S (đã chết) và bà Hứa Thị T, sinh năm 1954; vợ: Đoàn Thị C (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2002; tiền án: Không có; tiền sự: Tại Quyết định số 136/QĐ-TA ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng (đã chấp hành xong ngày 08/11/2020). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2021 tại nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Lâm Q và chị Lê Thị H đã từng có quan hệ tình cảm với nhau. Ngày 01/5/2021, Phan Lâm Q biết chị Lê Thị H đi xe mô tô về nhà bố mẹ đẻ ở xã Đ, huyện H chơi. Sáng ngày 02/5/2021, do cần tiền để sử dụng trái phép chất ma túy, Phan Lâm Q đã nảy sinh ý định rủ chị Lê Thị H đi chơi để tìm cơ hội chiếm đoạt chiếc xe mô tô bán lấy tiền. Phan Lâm Q đã nhắn tin, gọi điện hẹn gặp để nói chuyện; chị Lê Thị H biết việc Phan Lâm Q sử dụng chất ma túy, muốn gặp để khuyên ngăn nên đã đồng ý.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, chị Lê Thị H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision Biển kiểm soát 99G1 - 38X.XX đến ngã tư Quốc lộ 1A thuộc thôn A, xã S, huyện H, đến nơi hẹn không thấy Phan Lâm Q, chị Lê Thị H gọi điện thì Phan Lâm Q bảo đi tiếp vào hướng đi xã H khoảng 200m thì thấy Phan Lâm Q đang đứng cạnh đường. Khi gặp nhau, Phan Lâm Q liên tục yêu cầu chị Lê Thị H dừng xe máy và đi cùng về nhà mình, chị Lê Thị H không đồng ý và nói lý do gặp là để muốn khuyên ngăn Q bỏ ma túy. Sau đó, chị Lê Thị H dựng xe cạnh đường, rút lấy chìa khóa xe đút vào túi quần bên phải rồi lên vỉa hè đứng.

Phan Lâm Q bảo đưa chìa khóa xe, nhưng chị Lê Thị H không đưa; Phan Lâm Q liền dùng tay phải cầm cổ tay trái chị Lê Thị H, còn tay trái móc vào túi quần bên phải của chị Lê Thị H nhằm lấy chìa khóa xe mô tô, chị Lê Thị H lập tức giữ lại thì Phan Lâm Q giằng lấy làm rách túi quần và ống quần bên phải của chị Lê Thị H.

Sau khi lấy được chìa khóa xe, Q nổ máy rồi nhanh chóng điều khiển xe đi đến quán sửa chữa xe của anh Nguyễn Văn S và nói là xe của vợ cần bán; thấy người bán có giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân đều mang tên Lê Thị H và chứng minh nhân dân đúng là của Phan Lâm Q nên đã mua với giá 18.000.000 đồng. Sau khi viết giấy tờ mua bán xong, anh Nguyễn Văn S yêu cầu Phan Lâm Q cầm toàn bộ giấy tờ mua bán xe để chụp ảnh lại. Sau khi bán được xe có tiền, Phan Lâm Q đi mua ma túy sử dụng rồi trốn vào thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Lê Thị H bị bất ngờ và nghĩ rằng Phan Lâm Q không dám lấy xe, nên khi Phan Lâm Q giằng chìa khóa, rồi điều khiển xe đi thì chị đã không hô hoán, sau đó có gọi điện yêu cầu trả xe thì Phan Lâm Q bảo chờ tý nữa trả, rồi lại nhắn tin nói là xe bị bắt. Chị Lê Thị H vào nhà tìm không thấy Phan Lâm Q, gọi điện cũng không liên lạc được nên đã đến Công an huyện Hữu Lũng trình báo. Đến ngày 04/5/2021, chị Lê Thị H phát hiện thấy xe mô tô của mình tại hiệu sửa xe của anh Nguyễn Văn S nên đã mua lại với giá 18.500.000 đồng. Ngày 27/12/2021, Phan Lâm Q bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision Biển kiểm soát 99G1 – 38X.XX của chị Lê Thị H tại thời điểm ngày 02/5/2021 trị giá 21.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 20/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Phan Lâm Q về tội Cướp giật tài sản quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đồng ý bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 18.500.000 đồng đã bỏ ra mua lại xe; bị hại chị Lê Thị H nhất trí, riêng với chiếc quần bị rách và giấy chứng minh nhân dân bị mất, chị Hậu không yêu cầu lấy lại.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 50 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tuyên bố Phan Lâm Q phạm tội Cướp giật tài sản. Xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù. Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự, công nhận thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần vải màu nâu-đen. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại và thừa nhận hành vi phạm tội là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo có cơ hội sớm trở lại làm công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt; xét thấy, người vắng mặt đã có lời khai, yêu cầu đề nghị tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu

chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đảm bảo căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ ngày 02/5/2021, tại khu vực đường 242 thuộc địa phận thôn A, xã S, huyện H; Phan Lâm Q đã thực hiện hành vi dùng tay móc vào trong túi quần giật lấy chiếc chìa khóa xe của bị hại rồi nhanh chóng chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision Biển kiểm soát 99G1 – 38X.XX và tẩu thoát. Chị Lê Thị H bị bất ngờ và nghĩ rằng bị cáo là chỗ quen biết, không dám lấy xe máy nên khi bị Lâm Văn Q giật lấy chìa khóa và điều khiển xe đi đi thì không hô hoán, thậm chí sau đó còn gọi điện thoại yêu cầu Lâm Văn Q trả lại xe. Chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 21.300.000 đồng, bị cáo đem đi bán được 18.000.000 đồng và đã sử dụng cá nhân hết.

[4] Hành vi bị cáo dùng tay phải cầm tay trái của bị hại và dùng tay trái giành lấy chìa khóa có dấu hiệu sử dụng vũ lực nhưng không nhằm mục đích và cũng không làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được, dẫn đến phải giao tài sản. Thực tế tại thời điểm đó, bị cáo đã giật được chiếc chìa khóa rồi nhanh chóng tẩu thoát cùng tài sản chiếm đoạt được.

[5] Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Để có tiền tiêu sài, bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản với trị giá tài sản tương đối lớn, gây nên tâm lý hoang mang trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[6] Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo Phan Lâm Q phạm tội Cướp giật tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, Bản cáo trạng đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] “Điều 171: Tội cướp giật tài sản:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[8] Để xem xét quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt.

[9] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng từ năm 2020, nhưng đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo khai nhận mục đích chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo sinh ra trong gia đình có công với cách mạng, bố là ông Phan Lâm S được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba; tại phiên tòa, bị cáo nhất trí thỏa thuận bồi thường toàn bộ cho bị hại nên bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[12] Về hình phạt chính: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có chủ đích, gây ra thiệt hại có giá tương đối lớn đối với chính người quen biết, thậm chí còn có mong muốn giúp đỡ, khuyên bảo hoàn lương và bị bắt theo lệnh truy nã. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 03 tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù trên gần mức khởi điểm của khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định đủ để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội đồng thời cũng đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[13] Hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2022 có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị đảm bảo thi hành án do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung theo quy định theo khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[14] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại chị Lê Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 18.500.000 đồng là đúng thực tế số tiền chị đã phải mua lại chiếc xe tại hiệu sửa chữa xe máy và thấp hơn nhiều so với giá trị theo Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H . Bị hại cho rằng chỉ yêu cầu đúng số tiền mua lại xe, còn các chi phí, thiệt hại khác liên quan đến việc không được sử dụng xe trong một thời gian thì không yêu cầu nên cần tôn trọng quyền tự quyết, định đoạt của đương sự. Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại, thỏa thuận này là phù hợp quy định pháp luật dân sự và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Đối với chiếc quần bị rách và Chứng minh thư nhân dân bị mất, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[15] Về xử lý vật chứng: Trả lại chiếc xe và giấy tờ bị chiếm đoạt cho chủ sở hữu hợp pháp và tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần vải đã bị rách do chị Lê Thị H không yêu cầu lấy lại và không còn giá trị sử dụng theo quy định tại các điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Con người, sự việc liên quan: Đối với Nguyễn Văn S khi mua xe mô

tô với Phan Lâm Q có giấy tờ đầy đủ và không biết tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý.

[17] Bị cáo là người bị kết án và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[18] Quan điểm đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát hoàn toàn phù hợp với các nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị trong lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án và cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[19] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51, khoản 1 điều 48 các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 và khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Tội danh và hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Phan Lâm Q phạm tội Cướp giật tài sản.

Xử phạt bị cáo Phan Lâm Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/12/2021.

2. Xử lý vật chứng:

- Trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng, Biển kiểm soát 99G1 - 38X.XX và 01 (một) đăng ký xe mô tô số: 019124 cho chị Lê Thị H; xác nhận đã thi hành theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 14/07/2021 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc quần vải màu nâu-đen có chiều dài 90cm, phần túi quần bên phải bị rách có chiều dài 26cm.

(Chi tiết vật chứng trên được ghi theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/3/2022 giữa Công an huyện Hữu Lũng với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

3. Nghĩa vụ bồi thường dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của bị đương sự tại phiên tòa, bị cáo Phan Lâm Q có nghĩa vụ, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại chị Lê Thị H số tiền 18.500.000đ (mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Án phí: Buộc bị cáo Phan Lâm Q phải chịu số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 925.000đ (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân T.Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an H.Hữu Lũng;
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an huyện H;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THA Dân sự huyện H (khi án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường